

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA THÀNH PHẦN CÁC LOÀI CỦA HỌ DÈ (FAGACEAE) TẠI KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN NAM NUNG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Nguyễn Quang Hưng, Trịnh Ngọc Bon, Phạm Văn Vinh
Viện Nghiên cứu Lâm sinh, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

TÓM TẮT

Từ khóa: Bảo tồn thiên nhiên, Dẻ, Nam Nung

Kết quả điều tra họ Dẻ (Fagaceae) tại Khu BTTN Nam Nung ghi nhận 62 loài thuộc 4 chi, trong đó chi *Lithocarpus* có 36 loài chiếm 58,1% tổng số loài, tiếp theo là chi *Castanopsis* có 16 loài chiếm 25,8%, chi *Quercus* có 9 loài chiếm 14,5% và chi *Trigonobalanus* có 1 loài chiếm 1,6%. Về giá trị sử dụng, đã xác định được 35 loài được dùng để lấy gỗ, chiếm 61,3% tổng số loài, tiếp đến là nhóm loài cho tannin (14 loài) chiếm 22,6%, nhóm loài lấy hạt (8 loài) chiếm 12,9% và cuối cùng nhóm cây làm cảnh 2 loài chiếm 3,2%. Có 12 loài đang bị đe dọa được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), trong đó có 10 loài được xếp vào cấp Sẽ nguy cấp (VU) và 2 loài ở cấp Nguy cấp (EN).

Survey results of species composition of Fagaceae in Nam Nung Nature Reserve, Dak Nong province

Keywords: Nature resever, Fagaceae, Nam Nung

This research investigated the diversity of the Fagaceae family in Nam Nung nature reserve, based on mutiple study plots within the reserve. Results indicated that there are 62 species in four genera in the Fagaceae family in Nam Nung. The genera are *Lithocarpus*, *Castanopsis*, *Quercus* and *Trigobalanus*. The *Lithocarpus* genus has 36 species, accounting for 58.1% of the total number of species in the Fagaceae family in Nam Nung; the *Castanopsis* genus has 16 species, accounting for 25.8%; the *Quercus* genus has 9 species, accounting for 14.5%; and the *Trigobalanus* genus has 1 species, accounting for 1.6%. The results show that there are 35 timber species, accounting for 61.3% of all species in the family; 14 species with high tannin concentration, accounting for 22.6%; eight species harvesting seed, accounting for 12.9%; and two ornamental species, accounting for 3.2%. Twelve of the species are listed as threatened species in the Vietnam Red Book (2007), ten of these are in the vulnerable level and two species are in the endangered level.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Họ Dẻ (Fagaceae) là một trong những họ thực vật có số lượng loài lớn với trên 900 loài, phân bố chủ yếu ở vùng ôn đới, á nhiệt đới Bắc bán cầu và nhiệt đới và tập trung nhất là ở châu Á (Nguyễn Tiến Bản, 2003; Meniski, 1984). Ở Việt Nam hiện biết khoảng hơn 200 loài (Phạm Hoàng Hộ, 2000; Lecomte, 1910), phân bố rải rác từ Bắc vào Nam.

Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung (KBTTN) ở phía Tây Nam tỉnh Đắk Lắk, trên địa bàn của xã Quảng Sơn (huyện Đắk Glong) và các xã Đức Xuyên, Nam Nung (huyện Krông Nô). Khu bảo tồn nằm ở trung tâm Tây Nguyên, có địa hình cao nguyên. Khu vực nằm trong khối núi dâng lên từ cao nguyên, có đỉnh cao nhất là núi Nam Jer Bri 1.578m. Độ cao trung bình phần cao nguyên còn lại khoảng 800m.

Khu hệ thực vật Khu BTTN Nam Nung khá đa dạng về loài, chi và họ. Điều tra đã ghi nhận được 881 loài ở 541 chi của 175 họ. Trong đó có 75 loài thực vật có nguy cơ bị tuyệt chủng được ghi trong Sách đỏ Việt Nam và Danh Sách đỏ thế giới, được xếp trong nghị định 32 của chính phủ cần được ưu tiên bảo tồn (Phạm Ngọc Diệp, *et al.*, 2011). Các loài trong họ Dẻ thường chiếm số lượng lớn trong các lâm phần và cũng là họ thực vật có số lượng lớn tại Khu BTTN Nam Nung.

Bài báo là kết quả điều tra, nghiên cứu về họ Dẻ ở Khu BTTN Nam Nung, tỉnh Đắk Nông nhằm mục đích cung cấp đầy đủ dữ liệu về họ Dẻ, đồng thời góp phần vào công tác bảo tồn và quản lý tài nguyên thực vật rừng.

II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Thu mẫu và xử lí mẫu: Mẫu được thu theo phương pháp của Nguyễn Nghĩa Thìn (1997). Thời gian tiến hành nghiên cứu chia làm 2 đợt: đợt 1 từ tháng 3 đến tháng 4 năm 2013; đợt 2 từ tháng 7 đến tháng 8 năm 2014. Mẫu vật được lưu trữ tại phòng mẫu Viện Nghiên cứu Lâm sinh, Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam.

Định loại: Sử dụng phương pháp hình thái so sánh và dựa vào bản mô tả trong tài liệu: Flore générale de L'Indo-Chine (1910), Flora of China (1998); Cây cỏ Việt Nam của Phạm Hoàng Hộ (2000) và Nguyễn Tiến Bản (2003).

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thành phần loài họ Dẻ ở Khu BTTN Nam Nung

- Kết quả điều tra đã xác định được 62 loài thuộc 4 chi, trong đó chi *Lithocarpus* có 36 loài chiếm 58,1% tổng số loài, tiếp theo là chi *Castanopsis* có 16 loài chiếm 25,8%, chi *Quercus* có 9 loài chiếm 14,5% và chi *Trigonobalanus* có 1 loài chiếm 1,6% (theo bảng 1).

Bảng 1. Thành phần các loài thuộc họ Dẻ tại Khu BTTN Nam Nung

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam
	Chi <i>Castanopsis</i> (D. Don) Spach	
1	<i>Castanopsis acuminatissima</i> (Blume) A. DC. ex Hance	Dẻ gai lá nhọn
2	<i>Castanopsis argyrophylla</i> King ex Hook. f.	Kha thụ lá bạc
3	<i>Castanopsis armata</i> (Roxb.) Spach.	Dẻ giáp
4	<i>Castanopsis ceratacantha</i> Rehd. & Wils.	Kha thụ sừng nai
5	<i>Castanopsis chevalieri</i> Hick. & A. Cam.	Kha thụ Chevalier
6	<i>Castanopsis chinensis</i> (Spreng.) Hance.	Dẻ gai trung quốc
7	<i>Castanopsis echinocarpa</i> Miq.	Kha thụ mang gai
8	<i>Castanopsis gunieri</i> A. Cam.	Kha thụ Gunier
9	<i>Castanopsis pseudoserrata</i> Hick. & A. Cam.	Kha thụ nguyên
10	<i>Castanopsis ferox</i> (Roxb.) Spach	Cà ổi vọng phu

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam
11	<i>Castanopsis purpurella</i> (Miq.) N. P. Balak	Kha thụ Nhiễm
12	<i>Castanopsis pyriformis</i> (Seem.) Hick. & A. Cam.	Dẻ anh
13	<i>Castanopsis tessellata</i> Hick. & A. Cam.	Kha thụ rỗ
14	<i>Castanopsis hystrix</i> A. DC.	Cà ổi lá đỏ
15	<i>Castanopsis indica</i> (Roxb.) A. DC.	Cà ổi ấn độ
16	<i>Castanopsis tribuloides</i> (Smith) A. DC.	Cà ổi gai trống
	Chi <i>Lithocarpus</i> Blume	
17	<i>Lithocarpus anamitorus</i> (H. & C.) A. Cam.	Dẻ trường sơn
18	<i>Lithocarpus auriculatus</i> (H. & C.) Barn.	Dẻ tai
19	<i>Lithocarpus campylotropis</i> A. Cam.	Dẻ biến vảy
20	<i>Lithocarpus chevalieri</i> A. Cam	Dẻ chevalier
21	<i>Lithocarpus coaltitus</i> Hick. & A. Cam.	Dẻ kết
22	<i>Lithocarpus dinhensis</i> (H. & C.) Barn.	Dẻ núi dinh
23	<i>Lithocarpus fenestratus</i> (Roxb.) Rehd.	Dẻ lỗ
24	<i>Lithocarpus hancei</i> (Benth.) Rehd.	Dẻ hance
25	<i>Lithocarpus harmandii</i> (H. & C.) A. Cam.	Dẻ harmandi
26	<i>Lithocarpus amygdalifolius</i> (Skan) Hayata	Dẻ hạnh nhân
27	<i>Lithocarpus annamensis</i> (Hickel & A. Camus) Barnett	Sồi trung bộ
28	<i>Lithocarpus bacgiangensis</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ bắc giang
29	<i>Lithocarpus balansae</i> (Drake) A. Camus	Sồi đá lá mác
30	<i>Lithocarpus braianensis</i> A. Camus	Dẻ braian
31	<i>Lithocarpus corneus</i> (Lour.) Rehd. in Bailey	Sồi đỏ
32	<i>Lithocarpus cryptocarpus</i> A. Camus	Dẻ ẩn quả
33	<i>Lithocarpus dealbatus</i> (Hook.f. & Thoms.) Rehd.	Dẻ trắng
34	<i>Lithocarpus ducampii</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ đỏ
35	<i>Lithocarpus echynophorus</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Sồi gai
36	<i>Lithocarpus elegans</i> (Blume) Hatusma ex Soepadma	Dẻ thanh
37	<i>Lithocarpus farinulentus</i> (Hance) Hickel & A. Camus	Dẻ bột
38	<i>Lithocarpus gagnepainiana</i> A. Camus	Dẻ gagnepain
39	<i>Lithocarpus gigantophyllus</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ cau
40	<i>Lithocarpus honbaensis</i> A. Camus	Dẻ hòn bà
41	<i>Lithocarpus lemeeanthus</i> A. Camus	Dẻ le mé
42	<i>Lithocarpus longipedicellata</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ cuống dài
43	<i>Lithocarpus magneinii</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ the
44	<i>Lithocarpus microspermus</i> A. Camus	Dẻ trái nhỏ
45	<i>Lithocarpus ochrocarpus</i> A. Camus	Dẻ trái sét
46	<i>Lithocarpus pseudo-vestitus</i> A. Camus	Dẻ dạng phù
47	<i>Lithocarpus rhabdostachyus</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ gié đòn
48	<i>Lithocarpus scortechinii</i> (King ex Hook.f.) A. Camus	Dẻ vảy lông
49	<i>Lithocarpus silvicularum</i> (Hance) Chun	Dẻ rừng
50	<i>Lithocarpus thomsonii</i> (Miq.) Rehd.	Dẻ thomson
51	<i>Lithocarpus truncatus</i> (King ex Hook.f.) Rehd.	Sồi quả vát
52	<i>Lithocarpus vestitus</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ cau lông trắng

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam
	Chi <i>Quercus</i> L.	
53	<i>Quercus austrocochinchinensis</i> Hickel & A. Camus	Sồi nam bộ
54	<i>Quercus bambusaefolia</i> Hance in Seem.	Dẻ lá tre
55	<i>Quercus chevalieri</i> Hickel & A. Camus	Sồi chevalier
56	<i>Quercus gemelliflora</i> Blume	Sồi song sanh
57	<i>Quercus glauca</i> Thunb. ssp. <i>annulata</i> (Smith) A. Camus	Sồi vòng
58	<i>Quercus langbianensis</i> Hickel & A. Camus	Sồi guôi
59	<i>Quercus augustinii</i> Skan.	Sồi linh
60	<i>Quercus helferiana</i> A. DC.	Sồi helfer
61	<i>Quercus thorelii</i> Hickel & A. Camus	Sồi Thorel
	Chi <i>Trigonobalanus</i> Forman	
62	<i>Trigonobalanus verticillata</i> Forman	Sồi ba cạnh

- Kết quả nghiên cứu được so sánh với các hệ thực vật khác như VQG Pù Mát (Nguyễn Nghĩa Thìn và Nguyễn Thanh Nhân, 2004), VQG Bidoup - Núi Bà (Lương Văn Dũng *et*

al., 2007), VQG Bạch Mã (Nguyễn Nghĩa Thìn, Mai Văn Phô, 2003) và VQG Vũ Quang (Nguyễn Việt Hùng *et al.*, 2014) được thể hiện qua bảng 2.

Bảng 2. So sánh họ Dẻ ở Nam Nung với Vũ Quang, Pù Mát, Bidoup - Núi Bà và Bạch Mã

Địa điểm	Diện tích	Số chi	Số loài
VQG Pù Mát	86.000 ha	4	62
VQG Bidoup - Núi Bà	64.800 ha	4	43
VQG Bạch Mã	37.487 ha	4	43
VQG Vũ Quang	55.028,9 ha	4	60
Khu BTTN Nam Nung	12.307 ha	4	62

Từ bảng 2 cho thấy với diện tích nhỏ rất nhiều so với các vườn quốc gia kể trên, tuy nhiên Khu BTTN Nam Nung có số chi tương đương và có số lượng loài cùng với VQG Pù Mát là lớn nhất. Điều này thể hiện rõ Khu BTTN Nam Nung có tính đa dạng sinh học, sự phong phú về các loài Dẻ nói riêng và các loài thực vật nói chung là cao.

3.2. Giá trị sử dụng

Giá trị sử dụng được xác định dựa theo các tài liệu của Trần Hợp (2002) và Võ Văn Chi (2012). Đã xác định được 35 loài được sử dụng lấy gỗ chiếm 61,3% tổng số loài, tiếp đến nhóm loài cho tannin 14 loài chiếm 22,6%, nhóm loài ăn hạt 8 loài chiếm 12,9% và cuối cùng nhóm cây làm cảnh 2 loài chiếm 3,2%, được thể hiện rõ ở bảng 3.

Bảng 3. Giá trị sử dụng của các loài Dẻ ở Khu BTTN Nam Nung

Giá trị sử dụng	Số lượng	Tỷ lệ %
Nhóm cây lấy gỗ	38	61,3
Nhóm cây cho hạt ăn được	8	12,9
Nhóm cây cho tanin	14	22,6
Nhóm cây làm cảnh	2	3,2

3.3. Các loài trong Sách Đỏ Việt Nam

Căn cứ vào Sách Đỏ Việt Nam (2007), Dẻ ở Khu BTTN Nam Nung có 12 loài đang bị đe dọa, trong đó có 10 loài ở cấp sẽ nguy cấp (VU) và 2 loài ở cấp Nguy cấp (EN). Trong đó đáng chú ý là loài Sồi ba cạnh (*Trigonobalanus verticillata* Forman) lần đầu tiên ghi nhận có phân bố tại Khu BTTN Nam Nung. Cụ thể được trình bày ở bảng 4.

Bảng 4. Các loài Dẻ trong Sách đỏ Việt Nam

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Phân hạng
1	<i>Castanopsis ferox</i> (Roxb.) Spach	Cà ổi vọng phu	VU A1c,d.
2	<i>Castanopsis tessellata</i> Hick. & A. Cam.	Kha thụ rỗ	VU A1c,d.
3	<i>Castanopsis hystrix</i> A. DC.	Cà ổi lá đỏ	VU A1c,d.
4	<i>Lithocarpus fenestratus</i> (Roxb.) Rehd.	Dẻ lỗ	VU A1c,d.
5	<i>Lithocarpus harmandii</i> (H. & C.) A. Cam.	Dẻ harmandi	VU A1c,d.
6	<i>Lithocarpus amygdalifolius</i> (Skan) Hayata	Dẻ hạnh nhân	VU A1c,d.
7	<i>Lithocarpus bacgiangensis</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ bắc giang	VU A1c,d.
8	<i>Lithocarpus balansae</i> (Drake) A. Camus	Sồi đá lá mác	VU A1c,d.
9	<i>Lithocarpus truncatus</i> (King ex Hook.f.) Rehd.	Sồi quả vát	VU A1c,d.
10	<i>Lithocarpus vestitus</i> (Hickel & A. Camus) A. Camus	Dẻ núm	EN A1c,d.
11	<i>Quercus langbianensis</i> Hickel & A. Camus	Sồi Langbian	VU A1c,d.
12	<i>Trigonobalanus verticillata</i> Forman	Sồi ba cạnh	EN B1+2b.c.e.

IV. KẾT LUẬN

Qua điều tra họ Dẻ ở Khu BTTN Nam Nung, Đắk Nông đã xác định được 62 loài thuộc 4 chi, trong đó chi *Lithocarpus* có số lượng loài lớn nhất chiếm 58,1%.

Về giá trị sử dụng, cây được sử dụng làm gỗ có số lượng lớn nhất là 35 loài chiếm 61,3% tổng

số loài, tiếp đến là nhóm loài cho tannin với 14 loài chiếm 22,6%, nhóm loài ăn hạt 8 loài chiếm 12,9% và cuối cùng nhóm cây làm cảnh 2 loài chiếm 3,2%.

Họ Dẻ ở Khu BTTN Nam Nung có 12 loài đang bị đe dọa được ghi trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), trong đó có 10 loài ở cấp Sẽ nguy cấp (VU) và 2 loài ở cấp Nguy cấp (EN).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiên Bản, 2003. Họ Dẻ (Fagaceae) - Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
2. Võ Văn Chí, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, tập I-II, Nxb Y học, Hà Nội.
3. Lương Văn Dũng, 2007. Điều tra họ Dẻ (Fagaceae) ở Lâm Đồng, Thông báo Khoa học, Đại học Đà Lạt.
4. Phạm Ngọc Diệp, 2011. Báo cáo đa dạng sinh học tại Khu Bảo tồn Thiên nhiên Nam Nung, tỉnh Đắk Nông.
5. Phạm Hoàng Hộ, 2000. Cây cỏ Việt Nam, tập II, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
6. Trần Hợp, 2002. Cây gỗ rừng Việt Nam, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
7. Lecomte M. H., 1910. Flore générale de L'indo - Chine, Tome V, Paris.
8. Meniski Y. L., 1984. Sồi cau châu Á, Leningrad.
9. Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
10. Nguyễn Nghĩa Thìn, Mai Văn Phô, 2003. Đa dạng hệ nấm và hệ thực vật Vườn Quốc gia Bạch Mã, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
11. Nguyễn Nghĩa Thìn, Nguyễn Thanh Nhân, 2004. Đa dạng thực vật Vườn Quốc gia Pù Mát, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
12. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007. Sách đỏ Việt Nam (Phần II: Thực vật), Nxb Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Hà Nội.

Người thẩm định: PGS.TS. Nguyễn Hoàng Nghĩa